

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 15/FES(VN)/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH FES (Việt Nam)

Địa chỉ: Số 11, Đường số 8, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore, P. Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (0274).3767188 – 3767168 Fax: (0274).3767128.

Website: www.maccoffee.vn.

Mã số doanh nghiệp: 3700605006

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

Ngày cấp/Nơi cấp: Không áp dụng.

Cơ sở đã có Giấy chứng nhận ISO 22000:2018 (Có giá trị đến ngày 17/8/2026) và Giấy chứng nhận HACCP (Có giá trị đến ngày 17/8/2026).

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Hillway Trà sữa trân châu**

2. Thành phần:

- Gói trà sữa:

Thành phần: Bột kem (57 %) [siro glucose, dầu nhân cọ, chất khô từ sữa (7,5 %)(whey protein, natri caseinate), chất ổn định (340(ii), 451(i)), chất nhũ hóa (471, 481(i)), chất chống đông vón (551), màu tổng hợp dùng cho thực phẩm Beta-caroten (160a(i))], đường, bột trà (3 %), hương liệu tổng hợp, muối ăn, bột cacao, chất tạo ngọt Acesulfam kali tổng hợp (950).

Sản phẩm có chứa sữa (contains milk).

- Gói trân châu:

Thành phần: Nước, đường, chất làm dày (425, 407, 401, 415, 327), chất điều chỉnh độ acid (330, 331(iii)), chất ổn định (508), chất bảo quản (202), chất tạo màu tự nhiên Caramen nhóm I (150a), hương liệu tổng hợp, chất tạo ngọt (sucralose 955, acesulfam kali 950) tổng hợp.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Gói trà sữa:

Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất (NSX): 24 tháng trước hạn sử dụng (HSD).



Hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

- Gói trà châu:

Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất (NSX): 18 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

Hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

- Hộp thành phẩm trà sữa trân châu:

Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất (NSX): 18 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

Ngày đóng gói, Hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Gói trà sữa: Được đóng gói trong màng ghép phức hợp thành từng gói có khối lượng tịnh 40 g, 1 dây có khối lượng tịnh: 160 g (4 gói x 40 g) hoặc tùy theo nhu cầu thị trường.

- Gói trân châu: Được đóng gói trong màng ghép phức hợp thành từng gói có khối lượng tịnh 30 g, 1 dây có khối lượng tịnh: 120 g (4 gói x 30 g) hoặc tùy theo nhu cầu thị trường.

- Hộp giấy có khối lượng tịnh: 280 g (Gồm 4 gói trà sữa x 40 g, 4 gói trân châu x 30 g) hoặc tùy theo nhu cầu thị trường.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Gói trân châu được sản xuất tại:

Công ty TNHH KINH LÂM

Địa chỉ: Lô K.03, Khu công nghiệp Long Hậu, Đường Long Hậu, Xã Cần Giuộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

4.1. Đối với gói trà sữa:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

4.1.1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Mục 1.8).
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 1.9; 2.21; 3.27; 4.6).

4.1.2. Thông tư các Bộ ngành:

- Văn bản Số 08/VBHN-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm. Bao gồm Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi

60506

ÔNG T
TNHH
VIỆT N

INH C

bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành ngày 25 tháng 09 năm 2023 của Bộ Y tế.

4.1.3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất: Theo tiêu chuẩn cơ sở số 15/FES(VN)/2025/TCCS ngày 06/08/2025 (Được đính kèm theo hồ sơ tự công bố).

4.2. Đối với gói trà châu:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

4.2.1. Thông tư các Bộ ngành:

- Quyết định số 2204/QĐ-BYT: Quy định tạm thời mức giới hạn nhiễm chéo Bis (2-ethylhexyl) phthalate (DEHP) trong thực phẩm.
- Văn bản Số 08/VBHN-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm. Bao gồm Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành ngày 25 tháng 09 năm 2023 của Bộ Y tế.

4.2.2. Tiêu chuẩn nhà sản xuất: Theo tiêu chuẩn cơ sở số 15/FES(VN)/2025/TCCS ngày 06/08/2025 (Được đính kèm theo hồ sơ tự công bố).

4.3. Đối với thành phẩm trà sữa trân châu:

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất: Theo tiêu chuẩn cơ sở số 15/FES(VN)/2025/TCCS ngày 06/08/2025 (Được đính kèm theo hồ sơ tự công bố).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 08 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Raghav Raman Soni

Tổng giám đốc



CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)	TIÊU CHUẨN CƠ SỞ	SỐ: 15/FES(VN)/2025/TCCS
	HILLWAY TRÀ SỮA TRÂN CHÂU	Có hiệu lực kể từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố và/ hoặc thủ tục thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

1. Phạm vi:

Các chỉ tiêu và mức công bố áp dụng cho sản phẩm Hillway Trà sữa trân châu.

2. Các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm:

2.1. Đối với gói trà sữa:

2.1.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10 ⁴
2	Tổng số Coliforms	cfu/g	10
3	Escherichia coli	cfu/g	Không phát hiện
		Hoặc MPN/g	3
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10
5	Bacillus cereus	cfu/g	10
6	Clostridium perfringens	cfu/g	10
7	Salmonella spp.	cfu/25g	Không phát hiện
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/g	10 ²

2.1.2. Các chỉ tiêu kim loại nặng:

Theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế (Mục 1.9; 2.21; 3.27; 4.6).

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	1
2	Hàm lượng Cadmi (Cd)	mg/kg	1
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	2
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05



2.1.3. Chỉ tiêu độc tố vi nấm:

Theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm theo thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế (Mục 1.8).

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

2.2. Đối với gói trần châu:

2.2.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	10 ⁴
2	Tổng số Coliforms	cfu/g	10
3	Escherichia coli	cfu/g	Không phát hiện
		Hoặc MPN/g	3
4	Staphylococcus aureus	cfu/g	10
5	Bacillus cereus	cfu/g	10
6	Clostridium perfringens	cfu/g	10
7	Salmonella spp.	cfu/25g	Không phát hiện
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/g	10 ²

2.2.2. Các chỉ tiêu kim loại nặng:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	1

2.2.3. Chỉ tiêu Bis (2-ethylhexyl) phthalate (DEHP):

Theo Quy định tạm thời về mức giới hạn nhiễm chéo Bis (2-ethylhexyl) phthalate (DEHP) trong thực phẩm, ban hành kèm theo Quyết định số 2204/QĐ-BYT ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Bộ Y tế.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Bis (2-ethylhexyl) phthalate (DEHP)	mg/kg	1,5

3. Danh mục phụ gia thực phẩm:

Theo Văn bản Số 08/VBHN-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm ngày 25 tháng 09 năm 2023 của Bộ Y tế. Bao gồm Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế

và Thông tư 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm ngày 25 tháng 09 năm 2023 của Bộ Y tế.

- Đối với gói trà sữa: Nhóm sản phẩm 14.1.5.
- Đối với gói trân châu: Nhóm sản phẩm 06.5.

4. Các chỉ tiêu về dinh dưỡng:

Các chỉ tiêu thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng theo Thông tư 29/2023/TT-BYT Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính (*)	Mức công bố
1	Năng lượng (Tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/70 g	$\geq 154,78$
2	Hàm lượng Chất đạm	g/70 g	$\geq 0,5$
3	Hàm lượng Carbohydrat (Không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/70 g	$\geq 25,99$
4	Hàm lượng Đường tổng số	g/70 g	$\geq 23,50$
5	Hàm lượng Chất béo	g/70 g	$\geq 5,17$
6	Hàm lượng Natri	mg/70 g	$\geq 88,04$

(*) Đơn vị tính: Kích cỡ của một khẩu phần ăn 70 g = 1 gói trà sữa (40 g) + 1 gói trân châu (30 g).



Gói không bán lẻ

HILLWAY®

Gói trà châu



dùng kèm gói
TRÀ SỮA



30g

DÙNG KÈM GÓI TRÀ SỮA

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Được dùng theo hướng dẫn trên gói Trà sữa.

THÀNH PHẦN: Nước, đường, chất làm dày (425, 407, 401, 415, 327), chất điều chỉnh độ acid (330, 331(iii)), chất ổn định (508), chất bảo quản (202), chất tạo màu tự nhiên Caramen nhóm I (150a), hương liệu tổng hợp, chất tạo ngọt (sucralose 955, acesulfam kali 950) tổng hợp.

Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

KHỐI LƯỢNG TÍNH: 30 g

NSX: 18 tháng trước HSD

HSD: Xem trên bao bì

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

Khuyến cáo: Nhai kỹ trước khi nuốt. Trẻ em dưới 11 tuổi nên ăn dưới sự giám sát của người lớn.

SẢN XUẤT TẠI:

CÔNG TY TNHH KINH LÂM

ĐỊA CHỈ: Lô K.03, Khu công nghiệp Long Hậu, Đường Long Hậu, Xã Cần Giuộc, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM.

ĐÓNG GÓI HOÀN CHỈNH VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ

SẢN PHẨM: CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)

ĐỊA CHỈ: Số 11, Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, P. Bình Hoà, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

☎ ĐIỆN THOẠI: (+84) 2743 767 188

FAX: (+84) 2743 767 128

P9HW-T33GW0-VN242

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa



Xé tại đây

180 mm

130 mm
110 mm

10 mm

1 K



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : NA9J2409270900

Mã số mẫu : 743-2024-00143288

Mã số Eol : 005-32410-338040
Tên mẫu : Gói trân châu của sản phẩm "Hillway trà sữa trân châu"
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bao bì ghép mí
Ngày nhận mẫu : 27/09/2024 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 03/10/2024
Thời gian thử nghiệm : 28/09/2024 - 03/10/2024

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD8T2 VD Tổng số bào tử nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	6.5x10 ¹
7	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
9	VD057 VD bis-2-ethylhexyl phthalat (DEHP)	mg/ kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 21/10/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 21/10/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.





AR-24-VD-156660-01-VI / EUVNHC-00294488 - 01- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa

Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NA9J2409270900

Mã số mẫu : 743-2024-00143287

Mã số Eol :

005-32410-338011

Tên mẫu :

Gói trà sữa của sản phẩm " Hillway trà sữa trân châu"

Tình trạng mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

27/09/2024

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 03/10/2024

Thời gian thử nghiệm :

28/09/2024 - 03/10/2024

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện
4	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/ g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD384 VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
9	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
10	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
11	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
12	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
13	VD640 VD (a) Aflatoxin M1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5628 (Ref. ISO 14501:2007)	Không phát hiện (LOD=0.01)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 21/10/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 21/10/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa

Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NA9J2409270900

Mã số mẫu : 743-2024-00143291

Mã số Eol :

005-32410-338043

Tên mẫu :

Hillway trà sữa trân châu

Tình trạng mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

27/09/2024

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 03/10/2024

Thời gian thử nghiệm :

28/09/2024 - 07/10/2024

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	ISO 15213-2:2023	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện
4	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD1ZL VD <i>Bacillus cereus</i>	/g	EVN-R-RD-3-TP-3715 (Ref. AOAC 980.31)	Không phát hiện
6	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD384 VD (a) Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
9	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
10	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
11	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
12	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
13	VD640 VD (a) Aflatoxin M1	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5628 (Ref. ISO 14501:2007)	Không phát hiện (LOD=0.01)
14	VD057 VD bis-2-ethylhexyl phthalat (DEHP)	mg/ kg	AOAC 2007.01 mod	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 21/10/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 21/10/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Công Ty TNHH FES (Việt Nam)

Số 11 Đường Số 8, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa

Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NA9J2409270900

Mã số mẫu : 743-2024-00143290

Mã số Eol :

005-32410-338042

Tên mẫu :

Hillway trà sữa trân châu

Tình trạng mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

27/09/2024

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 03/10/2024

Thời gian thử nghiệm :

28/09/2024 - 05/10/2024

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD129 VD (a) Carbohydrat tổng	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	54.7
2	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	2.44
3	VD165 VD (a) Béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	10.4
4	VD263 VD (a) Đậm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	1.01
5	VD304 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3482 (Ref. TCVN 4594:1988)	47.28
6	VD543 VD Năng lượng tổng (tính theo Carbohydrat tổng, chất đạm, chất béo)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	316
7	VD652 VD (a) Acid béo bão hòa	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)	10.3
8	VD652 VD (a) Acid béo dạng trans	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)	Phát hiện vết (<0.015)
9	VD652 VD (a) Acid béo không bão hòa	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-5631 (Ref. ISO 12966-2:2017 & AOAC 996.06)	0.07
10	VD210 VD (a) Độ ẩm	%	EVN-R-RD-2-TP-3496 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	32.4
11	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	1.45
12	VD864 VD (a) Cholesterol	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3580 (Ref. AOAC 994.10)	Không phát hiện (LOD=10)
13	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	1770
14	VDERJ VD Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003; AOAC 991.43	52.3
15	VD9T0 VD Năng lượng (tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	312

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí MinhLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 21/10/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 21/10/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sacký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.




Mã số mẫu / Sample code Nr. : 743-2024-00143290
Mã số kết quả / Analytical Report Nr. : AR-24-VD-147202-01 / EUVNHC-00294488

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Tổng số phần ăn:			
Kích cỡ một phần ăn: 70 g			
Thành phần dinh dưỡng	Trên một phần ăn		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	218	kcal	11%
Chất đạm (Protein)	0.71	g	1%
Carbohydrat (Carbohydrate)	36.6	g	11%
Đường tổng số (Total Sugars)	33.1	g	
Chất béo (Fat)	7.28	g	13%
Natri (Sodium)	124	mg	6%
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong một phần ăn.			

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is reference only. The customer should update it and comply with regulation currently.